

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2184* /BTP-TCCB  
V/v sơ kết thực hiện Nghị quyết  
số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015  
của Bộ Chính trị

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ

Thực hiện Công văn số 1022-CV/BTCTW ngày 28/6/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”, Bộ Tư pháp đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ tổ chức rà soát, đánh giá, xây dựng Báo cáo Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết nêu trên tại cơ quan, đơn vị mình (đối với Tổng cục Thi hành án dân sự xây dựng báo cáo sơ kết trong toàn Hệ thống Thi hành án dân sự) theo đề cương và biểu mẫu gửi kèm theo tại Công văn số 1022-CV/BTCTW ngày 28/6/2021 của Ban Tổ chức Trung ương.

Do thời gian gấp, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ khẩn trương chỉ đạo, thực hiện và gửi báo cáo về Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ), đồng thời gửi bản mềm qua địa chỉ email: [hongnt@moj.gov.vn](mailto:hongnt@moj.gov.vn) **chậm nhất ngày 15/7/2021**.

(Đề cương và hệ thống biểu mẫu các phụ lục báo cáo được gửi qua hệ thống văn bản quản lý, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp)

Bộ Tư pháp đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo đúng thời hạn theo yêu cầu. /.

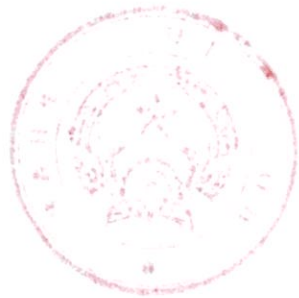
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng
- Các Thứ trưởng (để b/cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**Q. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



**Phan Thị Hồng Hà**



## **ĐỀ CƯƠNG**

Sơ kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015  
của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ  
cán bộ, công chức, viên chức

*(Đối với các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương;  
kèm theo Công văn số 1022-CV/BTCTW, ngày 28/6/2021  
của Ban Tổ chức Trung ương)*

-----

### **A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện...
- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **I. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**

**1. Một số kết quả cụ thể về sắp xếp tổ chức bộ máy (so sánh tăng, giảm tại thời điểm 30/6/2021 với thời điểm 30/4/2015):**

##### **1.1. Tổ chức hành chính**

- Số lượng cục, vụ và tương đương trực thuộc ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương: ..., (tăng hoặc giảm) ...; số lượng phòng và tương đương trực thuộc ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương: ..., (tăng hoặc giảm) ....

- Số lượng tổng cục và tương đương: ..., (tăng hoặc giảm) ...; số lượng cục, vụ và tương đương trực thuộc tổng cục và tương đương: ... (tăng hoặc giảm) ...; số lượng phòng và tương đương trực thuộc các cục, vụ trực thuộc tổng cục và tương đương: ... (tăng hoặc giảm) ...

##### **1.2. Đơn vị sự nghiệp công lập**

- Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương: ... (tăng hoặc giảm): ...;

- Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cục thuộc ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương: ... (tăng hoặc giảm): ...

- Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổng cục và tương đương: ... (tăng hoặc giảm) ...

- Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cục thuộc tổng cục và tương đương: ... (tăng hoặc giảm): ...

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

## **2. Đánh giá kết quả thực hiện**

- Việc tham mưu hoặc ban hành sửa đổi các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế trong các văn bản pháp luật hiện hành không thuộc chuyên ngành Luật Tổ chức nhà nước.

- Việc tiếp tục củng cố và nâng cao hoạt động của mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

- Việc rà soát, sắp xếp, hợp nhất các tổng cục, cục, vụ; việc thực hiện không để cấp phòng trong các đơn vị tham mưu thuộc các cơ quan Trung ương.

- Việc thành lập tổ chức mới (nếu có).

- Việc quy định và triển khai thực hiện phân loại cơ quan hành chính làm cơ sở xác định tổ chức, bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý và nâng cao chất lượng cung ứng các nhu cầu cơ bản, thiết yếu phục vụ nhân dân.

- Việc chuyển những nhiệm vụ mà cơ quan nhà nước không cần thiết trực tiếp thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả sang cá tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận.

- Việc quy định và thực hiện quy định về điều kiện, tiêu chí thành lập, giải thể đơn vị hành chính ở các cấp.

- Việc rà soát, hoàn thiện quy định về kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực ở địa phương.

- Việc tham mưu xây dựng các văn bản về mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn.

- Việc hoàn thiện quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp; việc đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động theo hướng tiếp tục đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự. Công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Những nội dung khác liên quan (nếu có).

## **II. Về thực hiện tinh giản biên chế**

**1. Một số kết quả cụ thể về tinh giản biên chế (so sánh tăng, giảm tại thời điểm 30/6/2021 với thời điểm 30/4/2015):**

**1.1. Biên chế hành chính (gồm biên chế công chức và hợp đồng lao động):**

- Tổng số biên chế thực tế có ... người; (tăng hoặc giảm) so với số biên chế được giao năm 2015 là ... người (tỷ lệ ...%); tổng số biên chế được giao năm 2021 giảm so với số biên chế được giao 2015 là ... người (tỷ lệ ...%).

- Về cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức theo: vị trí việc làm, ngạch, trình độ đào tạo, lý luận chính trị, độ tuổi, giới tính, dân tộc (so sánh tại thời điểm 30/6/2021 với 30/4/2015).

**1.2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế viên chức)**

- Tổng số biên chế viên chức thực tế (hưởng lương từ ngân sách nhà nước) có: ... (tăng hoặc giảm) so với số biên chế viên chức được giao năm 2015 là: ...

- Tổng số biên chế viên chức được giao năm 2021 (hưởng lương từ ngân sách nhà nước) có: ...; giảm so với số được giao năm 2015 là: ...

- Về cơ cấu đội ngũ viên chức theo: chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo, lý luận chính trị, độ tuổi, giới tính, dân tộc (so sánh tại thời điểm 30/6/2021 với 30/4/2015).

- Số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

## **2. Đánh giá việc thực hiện tinh giản biên chế**

- Việc xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị từ 2015 - 2021 (trong 7 năm) và thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2021.

- Việc quản lý biên chế các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nhất là đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế.

- Việc tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế hiện có khi phải thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới.

- Việc xây dựng, thực hiện đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Về thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức mới theo các quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước.

- Việc thực hiện khoán và hỗ trợ kinh phí từ 2017 đến nay đối với các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

- Việc thực hiện chuyển đổi số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Những nội dung khác liên quan (nếu có).

### **3. Báo cáo về nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế**

## **III. Về xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế**

### **1. Về xây dựng cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Đánh giá việc cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu về nữ, người dân tộc thiểu số.

- Việc tham mưu hoặc ban hành các quy định về hệ thống tiêu chuẩn chức danh, chức vụ công chức, viên chức.

- Việc thực hiện bổ nhiệm các chức danh chuyên gia, chuyên viên cao cấp đối với công chức làm nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu tổng hợp chiến lược ở các bộ, ban, ngành...

- Những nội dung khác liên quan (nếu có).

### **2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế**

- Việc rà soát các quy định của pháp luật về quản lý biên chế để bảo đảm thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của toàn bộ hệ thống chính trị.

- Việc đổi mới phương thức tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (*bao gồm cả tuyển chọn lãnh đạo quản lý*); cơ chế đánh giá công chức, viên chức; cải tiến phương thức, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý.

- Việc tham mưu ban hành quy định về số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.

- Việc ban hành và thực hiện chính sách thu hút người có tài năng, các chuyên gia trong các ngành, lĩnh vực vào làm việc tại các cơ quan của đảng, đoàn thể và các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Tham mưu về quy định, hướng dẫn thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.

- Về nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với tiêu chuẩn chức danh.

- Những nội dung khác liên quan (nếu có).

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. Ưu điểm và nguyên nhân**

#### **1. Ưu điểm**

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.
- Về rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.
- Về thực hiện tinh giản biên chế và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.
- Về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế.
- Những vấn đề, nội dung khác.

#### **2. Nguyên nhân của ưu điểm**

### **II. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân**

#### **1. Hạn chế, bất cập**

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.
- Về rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.
- Về thực hiện tinh giản biên chế và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.
- Về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế.
- Những vấn đề, nội dung khác.

#### **2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập**

### **III. Một số bài học kinh nghiệm**

#### **D. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI**

#### **E. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề xuất về chủ trương hoặc các nội dung cụ thể để tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

-----



TÊN CƠ QUAN: ...

**BIỂU 6A1**  
**THỐNG KÊ SỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG (HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**  
**TRONG CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ**  
*(Kèm theo Công văn số 1022-CV/BTCTW, ngày 28/6/2021 của Ban Tổ chức Trung ương)*

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số được giao năm 2015			Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015				Số được giao năm 2021			Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	HD 68	Hợp đồng khác	Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	HD 68	Hợp đồng khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
<b>TỔNG (H+H+H)</b>																
I	Lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ															
II	Cục, vụ và tương đương trực thuộc															
1	Văn phòng															
2	Vụ Tổ chức - cán bộ															
3	Vụ (cục) và tương đương															
4	...															
...	...															
III	Tổng cục và tương đương (nếu có)															
1	Tổng cục ...															
1.1	Văn phòng															
1.2	Vụ Tổ chức - cán bộ															
1.3	Vụ (cục) và tương đương															
1.4	...															

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015			Số được giao năm 2021			Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	HD 68	Hợp đồng khác	Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	HD 68	Hợp đồng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
...														
2	Tổng cục ...													
...														

Lưu ý: \* Cột 3, 9: Cơ quan có thẩm quyền giao biên chế là Bộ Nội vụ.

\* Số biên chế thực tế là số công chức, lao động hợp đồng có mặt tại thời điểm báo cáo.

\* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; hợp đồng chờ thi tuyển; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68.

\* Văn bản điện tử gửi về địa chỉ Email (Internet): namnq@btctw.dcs.vn

\* Liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988; máy bàn: 080.45635

..., ngày ... tháng ... năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

TÊN CƠ QUAN

BIỂU 6A2

THÔNG KÊ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
(HƯỜNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC) THUỘC CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

(Kèm theo Công văn số 1022-CV/BTCTW, ngày 28/6/2021 của Ban Tổ chức Trung ương)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số được giao năm 2015		Số thực tế tính tại thời điểm 30/4/2015					Số được giao năm 2021		Số thực tế tính tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Số lượng người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc		Hợp đồng 68	Hợp đồng khác	Số lượng người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc		Hợp đồng 68	Hợp đồng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG (A+B)</b>															
A	Đơn vị sự nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (I+II)															
I	Thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (1+2+3+4)															
1	Ngân sách nhà nước bảo đảm															
1.1	Đơn vị A															
1.2	Đơn vị B															
...	...															
2	Tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên															
2.1	Đơn vị A															
2.2	Đơn vị B															
...	...															
3	Tự chủ chi thường xuyên															
3.1	Đơn vị A															
3.2	Đơn vị B															
...	...															
4	Tự chủ một phần chi thường xuyên															

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số được giao năm 2015				Số thực tế tính tại thời điểm 30/4/2015				Số được giao năm 2021				Số thực tế tính tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Số lượng người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc	Hợp đồng 68	Hợp đồng khác	Số lượng người làm việc	Hương lương NSNN	Tù nguồn thu sự nghiệp	Số lượng người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Hương lương NSNN	Tù nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng 68	Hợp đồng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
4,1	Đơn vị A																	
4,2	Đơn vị B																	
...	...																	
II	Đơn vị sự nghiệp thuộc cục và tương đương thuộc bộ (1+2+3+4)																	
1	Ngân sách nhà nước bảo đảm																	
1,1	Đơn vị A																	
1,2	Đơn vị B																	
...	...																	
2	Tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên																	
2,1	Đơn vị A																	
2,2	Đơn vị B																	
...	...																	
3	Tự chủ chi thường xuyên																	
3,1	Đơn vị A																	
3,2	Đơn vị B																	
...	...																	
4	Tự chủ một phần chi thường xuyên																	
4,1	Đơn vị A																	
4,2	Đơn vị B																	
...	...																	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số được giao năm 2015		Số thực tế tính tại thời điểm 30/4/2015						Số được giao năm 2021		Số thực tế tính tại thời điểm 30/6/2021						Ghi chú
		Số lượng người làm việc	HĐ 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc		Hợp đồng 68	Hợp đồng khác	Số lượng người làm việc	HĐ 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc		Hợp đồng 68	Hợp đồng khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
B	Đơn vị sự nghiệp thuộc tổng cục và tương đương (I+II)																	
I	Thuộc tổng cục và tương đương (1+2+3+4)																	
I	Ngân sách nhà nước bảo đảm																	
1.1	Đơn vị A																	
1.2	Đơn vị B																	
...	...																	
2	Tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên																	
2.1	Đơn vị A																	
2.2	Đơn vị B																	
...	...																	
3	Tự chủ chi thường xuyên																	
3.1	Đơn vị A																	
3.2	Đơn vị B																	
...	...																	
4	Tự chủ một phần chi thường xuyên																	
4.1	Đơn vị A																	
4.2	Đơn vị B																	
...	...																	
II	Thuộc cục và tương đương thuộc tổng cục (1+2+3+4)																	
I	Ngân sách nhà nước bảo đảm																	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số được giao năm 2015			Số thực tế tính tại thời điểm 30/4/2015			Số được giao năm 2021			Số thực tế tính tại thời điểm 30/6/2021			Chi chú		
		Số lượng người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc		Hợp đồng 68	Hợp đồng khác	Số lượng người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Số lượng người làm việc			Hợp đồng 68	Hợp đồng khác
					Hưởng lương NSNN	Từ nguồn thu sự nghiệp						Hưởng lương NSNN	Từ nguồn thu sự nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1,1	Đơn vị A															
1,2	Đơn vị B															
...																
2	<i>Tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên</i>															
2,1	Đơn vị A															
2,2	Đơn vị B															
...																
3	<i>Tự chủ chi thường xuyên</i>															
3,1	Đơn vị A															
3,2	Đơn vị B															
...																
4	<i>Tự chủ một phần chi thường xuyên</i>															
4,1	Đơn vị A															
4,2	Đơn vị B															
...																

Lưu ý: \*Số người làm việc tại cột 3, cột 10 được hiểu là biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao.

\* Hợp đồng khác bao gồm: Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ; hợp đồng chờ thi tuyển; các loại hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà không phải hợp đồng theo Nghị định 68.

\* Văn bản điện tử gửi về địa chỉ (Internet): namng@btctw.des.vn; mạng nội bộ (Lotus note): ngo quang nam/btctw/dcs/vn@btctw

\* Liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988; máy bàn: 080.45635

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

..., ngày ... tháng ... năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



30/4/2015 - 30/6/2021

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận				Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp hưởng chính sách tính tiền gián biên chế theo Nghị định của Chính phủ						Biến động	Ghi chú	
		Tổng	Thi tuyển	Xét tuyển			Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.			Các trường hợp khác
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
...															
<b>B</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc (I+II)</b>														
<b>I</b>	<b>Thuộc bộ, cơ quan ngang bộ ...</b>														
1	Ngân sách nhà nước bảo đảm														
2	Tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên														
3	Tự chủ chi thường xuyên														
4	Tự chủ một phần chi thường xuyên														
<b>II</b>	<b>Thuộc tổng cục và tương đương</b>														
1	Ngân sách nhà nước bảo đảm														
2	Tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên														
3	Tự chủ chi thường xuyên														
4	Tự chủ một phần chi thường xuyên														

Lưu ý: \* Cột 5: các trường hợp áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 19 Nghị định 24/2010/NĐ-CP hoặc Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ  
 \* Cột 6: các trường hợp áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 19 và Điều 25 Nghị định 24/2010/NĐ-CP hoặc Khoản 11 Điều 1 Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ  
 \* Cột 12: các trường hợp áp dụng Điểm d, đ, e, g Khoản 1 Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP hoặc Điểm d, đ, e, g Khoản 2 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ  
 \* Cột 13: các trường hợp áp dụng Điểm 3 Khoản 1 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ  
 \* Cột 14: các trường hợp áp dụng Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Khoản 4, 5 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ  
 \* Cột 3 = Cột 4 + Cột 5 + Cột 6  
 \* Cột 8 = Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14  
 \* Cột 15 = Cột 7 + Cột 8 - Cột 3  
 \* Văn bản điện tử gửi về địa chỉ (Internet): namng@bctw.dcs.vn; mạng nội bộ (Lotus note): ngo quang nam/bctw/dcs/vn@bctw  
 \* Liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; SĐT: 0904.493.988; máy bàn: 080.45635

..., ngày ... tháng ... năm 2021  
**Thủ trưởng đơn vị**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)  
 (Ký tên, đóng dấu)





STT	Nội dung	Thời điểm 30/4/2015					Thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Tổng	Lãnh đạo bộ	Tổng cục và tương đương	Cục và tương đương thuộc bộ	Vụ, văn phòng, thanh tra thuộc bộ	Tổng	Lãnh đạo bộ	Tổng cục và tương đương	Cục và tương đương thuộc bộ	Vụ, văn phòng, thanh tra thuộc bộ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Đại học											
-	Cao đẳng											
-	Khác											
5	Trình độ lý luận chính trị:											
-	Cao cấp, cử nhân											
-	Trung cấp											
-	Sơ cấp											
6	Độ tuổi:											
-	Từ 30 trở xuống											
-	Từ 31-40 tuổi											
-	Từ 41-50 tuổi	0				0						
-	Từ 51-60 tuổi	0				0						
-	Trên 60 tuổi	0				0						

Lưu ý: \* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: namnq@btctw.dcs.vn

\* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; ĐT: 080.45635/0904 493988

Người lập biểu  
(ký và ghi rõ họ tên)

...ngày tháng năm 2021  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(ký tên, đóng dấu)



STT	Nội dung	Thời điểm 30/4/2015					Thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Tổng	Thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở TW	Thuộc cục trực thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở TW	Thực thuộc tổng cục và tương đương	Thực thuộc cục thuộc tổng cục và tương đương	Tổng	Thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở TW	Thuộc cục trực thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị ở TW	Thực thuộc tổng cục và tương đương	Thực thuộc cục thuộc tổng cục và tương đương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Trình độ học vấn											
-	Tiến sĩ											
-	Thạc sĩ											
-	Đại học											
-	Cao đẳng											
-	Khác											
5	Trình độ lý luận chính trị:											
-	Cao cấp, cử nhân											
-	Trung cấp											
-	Sơ cấp											
6	Độ tuổi:											
-	Từ 30 trở xuống	0				0						
-	Từ 31-40 tuổi	0				0						
-	Từ 41-50 tuổi	0				0						
-	Từ 51-60 tuổi	0				0						
-	Trên 60 tuổi	0				0						

Lưu ý: \* File mềm xin gửi về địa chỉ EMAIL: namnq@bctrw.dcs.vn

\* Chi tiết phụ lục liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương. ĐT: 080.45635/0904.493988

Người lập biểu  
(ký và ghi rõ họ tên)

...ngày tháng năm 2021  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN:.....

**Phụ lục D**

**TỔNG HỢP SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, CẤP PHÓ TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ Ở TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Công văn số 1022 -CV/BTCTW, ngày 28 / 6 /2021 của Ban Tổ chức Trung ương)*

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	Tổ chức hành chính	Thời điểm 30/4/2015		Thời điểm 30/6/2021		Tăng/giảm (+/-)		Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH</b>								
1	Cục, vụ và tương đương trực thuộc bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương							
2	Phòng và tương đương trực thuộc cục, vụ thuộc bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương							
3	Tổng cục và tương đương							
4	Cục, vụ và tương đương trực thuộc tổng cục và tương đương							
5	Phòng và tương đương trực thuộc cục, vụ thuộc tổng cục							
<b>II ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>								
1	BVSN công lập trực thuộc bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương							
2	BVSN trực thuộc cục thuộc bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương							
3	BVSN trực thuộc tổng cục và tương đương							
4	BVSN thuộc cục thuộc tổng cục và tương đương							

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký, ghi rõ họ và tên; số điện thoại di động và có đính kèm hệ)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

...., ngày ... tháng ... năm 2021  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*





TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015						Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
4.1	Phòng và tương đương:...											
...	....											
4.2	Chi cục											
4.2.1	Phòng và tương đương:...											
...	....											
5	...											
...	...											
II	Tổng cục và tương đương (nếu có)											
1	Tổng cục ...											
1.1	Văn phòng											
...	Phòng và tương đương:...											
...	....											
1.2	Vụ Tổ chức - cán bộ											
...	Phòng và tương đương (nếu có)...											
...	....											
1.3	Vụ...											
1.4	...											



TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015					Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
...	...											
1.5	Cục và tương đương											
...	Phòng và tương đương:...											
...	...											
1.5.x	Chi cục											
...	Phòng và tương đương:...											
...	...											
2	Tổng cục ...											
...	...											

Lưu ý:

\* Số người làm việc theo VTVL bao gồm cán bộ, công chức và hợp đồng lao động

\* Văn bản điện tử gửi về địa chỉ Email (Internet): namngq@bctctw.dcs.vn

\* Liên hệ: Đ/c Ngô Quang Nam, Chuyên viên Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương; ĐT: 080.45635

Người lập biên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại liên hệ

..., ngày ... tháng ... năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

